*Ngày dạy: 12/9/2023 (tiết 1)*

*13/9/2023 (tiết 2)*

**Toán**

**CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1.000.000 (TIẾP THEO)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Biết phân tích các số (trong phạm vi 1 000 000) theo các hàng gồm: hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.
* Viết được các số trong phạm vi 1 000 000 thành tổng của các trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại (dạng khai triển thập phân của các số).
* Phát triển năng lực toán học.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Thông qua việc quan sát, phân tích cấu tạo số theo các hàng.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng vào thực tế đời sống.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm.
* Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

* Bộ đồ dùng dạy, học Toán 4.
* Các tấm 100 nghìn, thanh 10 nghìn, khối 1 nghìn, tấm 1 trăm, thanh 1 chục, khối lập phương đơn vị.
* Hình ảnh trong phần khởi động.
* Bảng phụ ghi các hàng từ trăm nghìn đến đơn vị trong đó bỏ trống các ô để HS có thể điền và viết số.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV tổ chức trò chơi: “***Ai nhanh, ai đúng***”:  + Lượt 1, GV có thể viết một số lên bảng, yêu cầu HS giơ tay nhanh nhất đọc số đó.  Ví dụ: 580 000  + Lượt 2, GV đọc và yêu cầu HS viết lại số đó.  Ví dụ: Chín trăm mười nghìn  + Các lượt sau thực hiện tương tự. Qua 10 lượt, GV tuyên bố HS dành chiến thắng.  - GV dẫn dắt vào bài học: *“Chúng ta vừa được gợi nhắc lại kiến thức của buổi hôm trước. Cô trò mình sau đây sẽ tiếp tục tìm hiểu kiến thức đó trong “****Bài 5: Các số trong phạm vi 1 000 000 (tiếp theo)****”*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Phân tích được các số theo hàng gồm: hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh mở đầu:      - GV hướng dẫn HS phân tích cấu tạo số:  + HS lấy ra từ bộ đồ dùng 1 tấm 100 nghìn, 2 thanh 10 nghìn, 3 khối nghìn, 1 tấm trăm, 4 thanh chục và 5 khối lập phương đơn vị, hình thành số 123 145 và nêu cách đọc, cách viết.  + Dựa vào trực quan, GV hướng dẫn HS phân tích số theo các hàng:  ***Số 123 145 gồm 1 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 3 nghìn, 1 trăm, 4 chục, 5 đơn vị.***  - GV giới thiệu: *Chữ số hàng trăm nghìn là 1, chữ số hàng chục nghìn là 2, chữ số hàng nghìn là 3, chữ số hàng trăm là 1, chữ số hàng chục là 4, chữ số hàng đơn vị là 5*.  - GV yêu cầu HS nhắc lại phân tích số.  - GV viết một số tùy ý khác có 6 chữ số, ví dụ 327 658, và yêu cầu HS nêu được số đó gồm mấy trăm nghìn, mấy chục nghìn, mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị.  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - Phân tích cấu tạo số theo hàng gồm: hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghien, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.  - Đọc được số có nhiều chữ số, viết các số trong phạm vi 1 000 000 thành tổng của các trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Thực hiện (theo mẫu):*    - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện điền số vào bảng và đọc số.  - GV hướng dẫn HS phân tích mẫu.  - GV cho HS làm bài vào bảng con hoặc vở bài tập, đổi chéo vở kiểm tra bài của bạn. Hai bạn trình bày kết quả, lớp nhận xét.  - GV chữa bài và lưu ý các trường hợp có chữ số 0 ở hàng nghìn, trăm, đơn vị.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  a) Đọc các số sau:  48 456, 809 824, 315 211, 673 105  b) Viết các số sau:  - Tám mươi bảy nghìn sáu trăm linh một,  - Chín nghìn không trăm ba mươi tư,  - Hai mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm,  - Bốn trăm mười tám nghìn ba trăm linh bốn,  - Năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi mốt.  - GV cho HS làm bài cá nhân, thực hiện theo yêu cầu đề bài.  - GV mời 2 HS lên bảng làm bài.  - GV cho HS nêu kết quả của mình, nhận xét, chữa bài.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Nói (theo mẫu):*  Mẫu: Số 957 418 gồm 9 trăm nghìn 5 chục nghìn 7 nghìn 4 trăm 1 chục 8 đơn vị.  a) Số 434 715 gồm ? trăm nghìn ? chục nghìn ? nghìn ? trăm ? chục ? đơn vị.  b) Số 658 089 gồm ? trăm nghìn ? chục nghìn ? nghìn ? trăm ? chục ? đơn vị.  c) Số 120 405 gồm ? trăm nghìn ? chục nghìn ? nghìn ? trăm ? chục ? đơn vị.  - GV tổ chức trò chơi “**Truyền điện**” theo từng nhóm 4. Một bạn đọc một số và chỉ bạn bất kì trong nhóm nêu số đó gồm mấy trăm nghìn, mấy chục nghìn, mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị. Cả nhóm xác nhận kết quả và HS đó nêu số tiếp theo rồi chỉ định một bạn tùy ý trong nhóm tiếp tục cho đến số cuối cùng.  - GV hướng dẫn HS phân tích mẫu (dạng phân tích số theo hàng) và ghi kết quả vào vở ghi.  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu):*  Mẫu: 152 314 = 100 000 + 50 000 + 2 000 + 300 + 10 + 4  35 867, 83 769, 283 760, 50 346, 176 891  - GV cho HS làm bài cá nhân, nhận biết yêu cầu đề bài.  - GV hướng dẫn HS phân tích mẫu: tách số đã cho thành tổng theo các hàng (dạng khai triển thập phân).  - GV mời một số HS đọc kết quả, lớp nhận xét.  - GV chữa bài.  ***Nhiệm vụ 5: Hoàn thành BT5***  a) Lấy các thẻ như sau:  8, 0, 1, 9, 5, 3  Xếp số có đủ cả sáu chữ số trên, trong đó chữ số hàng chục nghìn là 1 rồi ghi lại số vừa xếp được, chẳng hạn: 810 593, 319 850.  b) Em hãy xếp năm số tương tự như trên rồi ghi lại kết quả.  - GV cho HS hoạt động cặp đôi, đọc và hiểu yêu cầu bài tập.  - GV hướng dẫn:  + HS quan sát mẫu và xếp một vài số theo mẫu (yêu cầu chữ số hàng chục nghìn là 1).  + HS xếp 5 số tương tự câu a và ghi kết quả. GV lưu ý HS xếp 5 số với yêu cầu chữ số hàng chục nghìn là 1 và chữ số hàng trăm nghìn phải khác 0.  - GV mời 3 HS lên bảng làm, lớp nhận xét.  - GV chữa bài.  ***Nhiệm vụ 6: Hoàn thành BT6***  *Đọc các số nói về sức chứa của một số sân vận động trên thế giới được thống kê trong bảng dưới đây:*      - GV cho HS làm bài cá nhân, đọc bảng, lấy thông tin về sức chứa của các sân vận động và đọc số.  - GV cho HS ghi các số vào bảng con.  - GV nhận xét, chữa bài.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Tìm được các số có sáu chữ số và những thông tin liên quan đến các số đó.  **b. Cách thức tiến hành**  ***Hoàn thành BT7***  *Em hãy tìm trên sách, báo, tạp chí các số có sáu chữ số và ghi lại những thông tin liên quan đến các số đó.*  - GV cho HS hoạt động nhóm bàn, thu thập các số theo yêu cầu.  - GV cho các nhóm chia sẻ thông tin của mình, các nhóm cùng góp ý, đánh giá kết quả của nhóm khác.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 6 – *Các số có nhiều chữ số* | - HS chú ý lắng nghe, giơ tay phát biểu.  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS lắng nghe, tiếp thu kiến thức.  - HS lắng nghe, ghi vở, đồng thanh.  + Cá nhân – cặp đôi – đồng thanh.  - HS lắng nghe, suy nghĩ, giơ tay phát biểu chỉ rõ chữ số ở mỗi hàng.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *a) 48 456: Bốn mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi sáu*  *809 824: Tám trăm linh chín nghìn tám trăm hai mươi tư*  *315 211: Ba trăm mười lăm nghìn hai trăm mười một*  *673 105: Sáu trăm bảy mươi ba nghìn một trăm linh năm*  *b) Tám mươi bảy nghìn sáu trăm linh một: 87 601*  *Chín nghìn không trăm ba mươi tư: 9 034*  *Hai mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm: 22 525*  *Bốn trăm mười tám nghìn ba trăm linh bốn: 418 304*  *Năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi mốt: 527 641*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) Số 434 715 gồm 4 trăm nghìn 3 chục nghìn 4 nghìn 7 trăm 1 chục 5 đơn vị.*  *b) Số 658 089 gồm 6 trăm nghìn 5 chục nghìn 8 nghìn 0 trăm 8 chục 9 đơn vị.*  *c) Số 120 405 gồm 1 trăm nghìn 2 chục nghìn 0 nghìn 4 trăm 0 chục 5 đơn vị.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *35 867 = 30 000 + 5 000 + 800 + 60 + 7*  *83 769 = 80 000 + 3 000 + 700 + 60 + 9*  *283 760 = 200 000 + 80 000 + 3 000 + 700 + 60*  *50 346 = 50 000 + 300 + 40 + 6*  *176 891 = 100 000 + 70 000 + 6 000 + 800 + 90 + 1*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *a) Các số có thể xếp được là: 819 053, 918 530, 319 805,…*  *b) Năm số: 813 905, 910 538, 518 093, 319 850, 815 093*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***Tên sân vận động*** | ***Quốc gia*** | ***Số lượng chỗ ngồi*** | ***Đọc s*** | | ***Nu-cam*** | ***Tây Ban Nha*** | ***120 000*** | ***Một trăm hai mươi nghìn*** | | ***Oem-bờ-li*** | ***Anh*** | ***90 000*** | ***Chín mươi nghìn*** | | ***Mỹ Đình (Hà Nội)*** | ***Việt Nam*** | ***40 192*** | ***Bốn mươi nghìn một trăm chín mươi hai*** | | ***Thiên Trường (Nam Định)*** | ***Việt Nam*** | ***30 000*** | ***Ba mươi nghìn*** | | ***Thống Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh)*** | ***Việt Nam*** | ***25 000*** | ***Hai mươi lăm nghìn*** |   - HS hoàn thành bài theo yêu cầu vào vở ghi.  - Kết quả:  *Ví dụ: Theo số liệu thống kê năm 2019, nước ta có khoảng 751 067 người dân tộc Dao sinh sống chủ yếu ở các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh.*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

***\* Điều chỉnh sau bài dạy:***

..................................................................................................................................................................................................................................................................